



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str – Khuong Dinh Ward - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: [ralaco@rangdong.com.vn](mailto:ralaco@rangdong.com.vn)

Website: [rangdong.com.vn](http://rangdong.com.vn)

Số/No.: 25.09.18 /TN – 27

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED chiếu sáng đường CSD10 150W 5000K  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Khương Đình, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: CSD10 150W  
Model
- Mã số mẫu: 25.09.18.27  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 18/ 09/ 2025  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014  
Standard applies TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
TCVN 7722-2-3:2019/ IEC 60598-2-3:2011
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

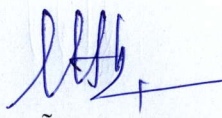
Hanoi, Date of 27/ 09/ 2025

Thử nghiệm viên/Tester

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thu



VILAS 126

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>N <sub>o</sub> | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                 | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Yêu cầu<br>Requirement | Kết quả<br>Result |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|------------------------|-------------------|
| 1                     | Phân loại đèn                                                                  |                | TCVN 10885-2-1                 |                        |                   |
|                       | • Cấp bảo vệ chống điện giật                                                   |                | IEC 62722-2-1                  | --                     | Cấp I             |
|                       |                                                                                |                | TCVN 7722-1                    |                        |                   |
| 2                     | Khả năng chống bụi và ẩm                                                       |                | IEC 60598-1                    |                        |                   |
| 2.1                   | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP)                                    |                | TCVN 7722-2-3                  | IP66                   | Đạt               |
| 2.2                   | Thử nghiệm chịu ẩm trong thời gian 48 h ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 % |                | IEC 60598-2-3                  | Không hư hỏng          | Đạt               |
| 3                     | Thông số điện, quang, phổ ở điện áp nguồn 220 V ~ 50 Hz                        |                |                                |                        |                   |
| 3.1                   | Công suất tiêu thụ                                                             | W              |                                | $\leq 150 + 10\%$      | 148,7             |
| 3.2                   | Dòng điện tiêu thụ                                                             | mA             |                                | --                     | 696,9             |
| 3.3                   | Hệ số công suất                                                                |                |                                | $\geq 0,9 - 0,05$      | 0,970             |
| 3.4                   | Quang thông                                                                    | lm             |                                | $\geq 22\,500 - 10\%$  | 23\,033           |
| 3.5                   | Hiệu suất phát sáng                                                            | lm/W           |                                | $\geq 150 - 20\%$      | 154,9             |
| 3.6                   | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                  |                |                                | --                     | 4\,986            |
| 3.7                   | Hệ số trả màu (CRI)                                                            |                |                                | $\geq 70$              | 72,3              |

